

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2024/DS-ST

Ngày 06-3-2024

Về tranh chấp: "Hợp đồng mua bán"

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đặng Văn Lắm

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Ông Ngô Văn Bi
- Ông Đặng Văn Núi

*Thư ký phiên tòa:* Bà Huỳnh Thị Ngọc Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Đoàn Khắc Huy - Kiểm sát viên

Trong ngày 06 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 116/2023/TLST-DS ngày 23 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp: "Hợp đồng mua bán" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 158/2023/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngô T. M, sinh năm 19xx. Địa chỉ: Ấp B, xã P, huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: Nguyễn Thị B. L, sinh năm 19xx. Địa chỉ: Ấp C, xã P, huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.

(Tại phiên tòa, bà M xin vắng mặt, bà L vắng mặt không lý do)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Ngô T. M trình bày:*

Bà và bà L có mối quan hệ làm ăn, bà trồng sả và bán cho bà L khoảng hơn 6 năm, những lần trước đây bà L thanh toán tiền mua sả cho bà đầy đủ. Tuy nhiên vào tháng 5/20xx, bà có bán cho bà L sả đám là 13 công sả với giá tiền là 56.000.000 đồng (Năm mươi sáu triệu đồng), bà L tự mướn nhân công đến chặt sả, sau đó đến giữa tháng 5/2023 bà L giao cho bà số tiền cọc mua sả đám là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng), tiếp sau đó 10 ngày thì giao cho bà 2.000.000

đồng (Hai triệu đồng), 10 ngày sau nữa thì giao 1.000.000 đồng (Một triệu đồng), tổng cộng bà L giao cho bà M 13.000.000 đồng (Mười ba triệu đồng), sau đó bà L không trả tiền mua sả cho bà M đến nay. Bà M nợ tiền mua sả đám của bà L là 43.000.000 đồng (Bốn mươi ba triệu đồng).

Bên cạnh đó, bà M còn bán cho bà L sả ký, 2 ngày công với số tiền là 3.052.000 đồng (Ba triệu không trăm năm mươi hai ngàn đồng), bà L vẫn không trả cho bà M số tiền này.

Đối với số tiền nợ mua sả, bà M có viết cho bà L tờ giấy, sả đám 43.000, công ba 3.052, cộng là 46.052 và chữ Thích. Bà M trình bày chữ là do bà L viết, Thích là tên thường gọi của bà L, bản chính tờ giấy viết tay này bà đã làm mất, chỉ còn bản chụp lưu trên điện thoại và bà in ra nộp cho Tòa án.

Nay bà M yêu cầu bà L trả số tiền mua sả tổng cộng là 46.052.000 đồng (Bốn mươi sáu triệu, năm mươi hai ngàn đồng), yêu cầu trả khi án có hiệu lực.

*\* Quá trình tố tụng bị đơn bà Nguyễn Thị B. L đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ, nhưng bà L không đến Tòa án để tham dự phiên hòa giải, không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà M.*

*\* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:*

- Về tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nên không kiến nghị gì về tố tụng.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định: chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Bởi lẽ, thực tế bà L có giao dịch mua sả của bà M và còn nợ tiền của bà M qua các lời khai của người làm chứng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Quan hệ tranh chấp giữa các bên đương sự là tranh chấp về “Hợp đồng mua bán tài sản” được xem xét, giải quyết theo quy định Bộ luật dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Việc nộp đơn khởi kiện, thụ lý đơn và thẩm quyền giải quyết của Tòa án đúng quy định; Việc thu thập tài liệu chứng cứ; Thủ tục kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử được thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn bà L vắng mặt không lý do dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bà không thực hiện quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định. Trong suốt quá trình tố tụng và tại phiên tòa bà L vắng mặt là tự từ bỏ lời trình bày của đương sự tại tòa. Việc vắng mặt của bà L không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà L.

[3] Về nội dung yêu cầu khởi kiện: Nguyên đơn bà M khởi kiện yêu cầu bà L trả tiền mua mua sả đám và tiền công chặt sả, mua sả ký của bà M tổng cộng số tiền là 46.052.000 đồng (Bốn mươi sáu triệu năm mươi hai ngàn đồng). Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, bà M cung cấp cho Tòa giấy có nội dung “*Má Ba, sả đám 43.000, công ba 3052, 46.052, Thích*” giấy có nguồn gốc từ hình chụp của điện thoại vì bản chính đã thất lạc. Theo trình bày của bà M nội dung giấy nợ trên nghĩa là: “Má Ba” là tên thường gọi của bà M; “sả đám 43.000” là bà L mua nguyên đám sả giá 43.000.000đ; “công ba 3052” là tiền công làm của bà M 3.052.000đ; “46.052” là tổng số tiền bà L còn nợ bà M; “Thích” là tên thường gọi của bà L. Ngoài ra bà M có yêu cầu Tòa án thu thập chứng cứ là ghi lời khai của những người cùng nơi cư trú và những hộ dân bán sả cho bà L, cũng như xác nhận của chính quyền địa phương.

Qua xem xét lời trình bày, các chứng cứ của nguyên đơn cung cấp. Hội đồng xét xử nhận thấy, giữa bà M và bà L thực tế có giao dịch mua bán sả, cụ thể là bà L mua sả đám của bà M. Bởi lẽ, chính quyền địa phương và những hộ dân lân cận điều xác định bà L là thương lái chuyên mua sả đám nhiều vụ mùa của các hộ dân trong đó có bà M. Đồng thời, với diện tích đất trồng sả so với số tiền bà M cho rằng bà L còn nợ là tương đối phù hợp. Phía bị đơn bà L đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng không đến Tòa và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của bà M xem như đã mặc nhiên thừa nhận những tình tiết mà bà M trình bày nêu trên là có thật. Do đó, có cơ sở để xác định yêu cầu khởi kiện của bà M là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 430 và Điều 440 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được chấp nhận. Buộc bà L phải có trách nhiệm trả cho bà M số tiền 46.052.000đ khi án có hiệu lực là phù hợp pháp luật.

[4] Về án phí: Yêu cầu của bà M được chấp nhận hoàn toàn nên bà L phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật nên chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ các Điều 430, 440, 357 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 92, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.*

**Tuyên xử:** Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Ngô T. M.

1. Buộc bà Nguyễn Thị B. L có nghĩa vụ trả cho bà Ngô T. M tổng số tiền mua sả là 46.052.000 đồng (Bốn mươi sáu triệu, không trăm năm mươi hai ngàn đồng), Thực hiện khi án có hiệu lực.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm thực hiện thì phải chịu khoản tiền lãi suất phát sinh do chậm trả tiền, mức lãi suất quy định

tại khoản 2 điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

**2. Về án phí:** Bà Nguyễn Thị B. L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 2.302.000 đồng (Hai triệu, ba trăm lẻ hai ngàn đồng).

Bà Ngô T. M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bà M thuộc đối tượng miễn nộp tạm ứng án phí nên không phải hoàn.

*Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ bản án.

**Nơi nhận:**

- VKSND H.Tân Phú Đông;
- CC.THADS H.Tân Phú Đông;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Đặng Văn Lắm**